

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**
Bản án số: **41/2020/HNGĐ-PT**
Ngày 02 tháng 10 năm 2020
(*V/v cấp dưỡng nuôi con
và chia tài sản sau ly hôn*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm Phán: - Ông **Nguyễn Trọng Quế**

- Ông **Dương Hùng Quang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Thùy Linh** – Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Màu** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 32/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “*Cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản sau ly hôn*”.

Do Bản HNGĐ sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Ấp Chông Mỹ A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Đặng Huỳnh Quốc** là Luật Sư của Văn phòng luật sư **Đặng Huỳnh Quốc** thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Cao Trung V**, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Ấp Chông Mỹ A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Trần Văn** là Luật Sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự Tại C thuộc đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Cao Hữu Th**, sinh năm 1939 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1945 (vợ Ông Th). Cùng địa chỉ cư trú: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Bà T ủy quyền cho Ông Th tham gia tố tụng, theo ủy quyền chứng thực ngày 04/10/2019 (Ông Th có mặt).

2. Cháu **Cao Trung N**, sinh năm 1999 (con ruột chị O, anh V); Địa chỉ cư trú: Ấp Chổng Mỹ A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Năm 2018 Anh V và Chị O được Tòa án cho ly hôn, vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chưa được giải quyết. Con chung hai đứa Cao Trung N, sinh năm 1999 và Cao Diễm My, sinh ngày 12/12/2004 Chị O đang nuôi. Tài sản chung của vợ chồng có hai phần: Phần thứ nhất được thẩm định giá gồm, giá trị phần kiến trúc căn nhà ở cấp 4 có công trình xây dựng và cống xổ vuông 381.517.000 đồng; Vỡ Composite dài 7,2m và máy nổ 7.350.000 đồng; cây trồng trên đất 8.295.000 đồng, tổng giá trị số tài sản này 397.162.000 đồng. Phần thứ hai tài sản anh chị tự thỏa thuận giá 14 món vật dụng sinh hoạt gia đình gồm, căn nhà lợp tol sườn cây 4m x 6m trị giá 40.000.000 đồng (nhà để đồ dùng); Phà và máy dầu D22 trị giá 20 triệu; 01 máy xăng VanGa trị giá 10 triệu; 01 ti vi 32 in hiệu CTL trị giá 04 triệu; 01 tủ lạnh hiệu PanaSonic trị giá 04 triệu; 01 tủ phê trị giá 01 triệu; 01 tủ áo trị giá 01 triệu; 01 tủ bếp trị giá 01 triệu; Bếp ga và bình ga trị giá 01 triệu; 01 mô tơ bơm nước trị giá 02 triệu; 01 tủ đựng ti vi bằng nhôm trị giá 1,5 triệu; 01 bếp điện trị giá 1,5 triệu; Bộ bàn ghế gỗ miền đông trị giá 10 triệu và các vật dụng còn lại như quạt, đèn tranh, tủ, xoang nôi, bồn nước, kính ... trị giá 19.200.000 đồng.

- Chị O yêu cầu: Về cấp dưỡng nuôi con, do Cháu N trên 18 tuổi nên chị chỉ yêu cầu Anh V cấp dưỡng nuôi cháu My theo quy định của pháp luật; Về chia tài sản chị yêu cầu chia hai số tài sản này, giao Anh V nhận hết tài sản hoàn cho chị ½ giá trị bằng tiền.

- Anh V thống nhất với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu My và phân chia số tài sản nêu trên theo yêu cầu của Chị O.

* Ngoài ra anh, chị còn khai thêm một số tài sản hai bên không thống nhất:

- Chị O Khai vợ chồng còn có thêm tài sản là phần đất cát nhà và nuôi trồng thủy sản (NTTS) diện tích 17.500m² tọa lạc tại ấp Chổng Mỹ A – xã Hàm Rồng, Huyện N, tỉnh Cà Mau thuộc thửa số 283, 284, 285 tờ bản đồ số 07 được Ủy ban nhân dân huyện N cấp QSDĐ cho hộ Cao Trung V ngày 17/7/2003. Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng cho vào năm 2001, phần đất này Anh V đang quản lý. Chị O yêu cầu chia cho đứa con lớn Cao Trung N 100.000.000đ, còn lại chia hai, chị xin nhận giá trị đất bằng tiền. Anh V không đồng ý vì đất cha mẹ anh cho để canh tác, nay không canh tác thì trả lại và xin hủy giấy chứng nhận QSDĐ của vợ chồng.

- Anh V khai vợ chồng còn có: Tiền gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N 330.000.000 đồng; 01 lượng vàng 24k, 03 lượng vàng 18k; 01 xe hiệu Nouvo6 biển số 05755; 01 xe hiệu Jupiter 50 biển số 69 – LN 0142; Tiền do xe Phước Thành - Thanh Tuấn bồi thường tại nạn giao thông gây ra cho anh 40 triệu, số tiền vàng này do Chị O quản lý. Anh yêu cầu chia hai. Chị O hoàn cho anh ½, riêng chiếc xe Jupiter 50 đã hư hỏng anh không yêu cầu. Chị O không đồng ý vì tiền gửi là tiền của cha ruột chị cho hai con, chị chỉ đứng tên giữ, vàng toàn bộ mua qua mạng đeo trang sức không phải vàng thật, tiền bồi

thường tai nạn giao thông của Anh V chỉ có 23.500.000 đồng chị đã sử dụng chăm lo cho hai người con không còn, chiếc xe Jupiter 50 hư hỏng không sử dụng được, chiếc xe còn lại của chị dành dụm mua nên là tài sản riêng của chị.

Ông Cao Hữu Th trình bày: Vợ chồng ông có giao cho Anh V phân đất NTTS để sản xuất nuôi gia đình, khi cho có nói rõ là không được chuyển nhượng, sang bán, nếu không canh tác thì trả lại, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ Anh V do Ông Th và Anh V trực tiếp đi làm nên về trình tự thủ tục cấp giấy là đúng. Do Anh V và Chị O vi phạm ba điều kiện trong di chúc nên ông bà yêu cầu giao trả lại đất, đồng ý trả giá trị căn nhà cho Chị O, Anh V theo giá trị đã định và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đã cấp cho hộ Cao Trung V.

Cháu Cao Trung N Trình bày: Nếu được cho 100.000.000 đồng cháu xin nhận để lo cho việc học tập của cháu đến khi kết thúc khóa học.

Từ nội dung trên, tại Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quyết định:

Đình chỉ đối với yêu cầu của Anh Cao Trung V về yêu cầu chia chiếc xe hiệu Jupiter 50cc biển số 69 – LN 0142; Anh V có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Hữu Th và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu đòi lại tài sản là QSD đất nuôi trồng thủy sản đối với Anh Cao Trung V, chị Nguyễn Thị O và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ Cao Trung Vinh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và trích tài sản chung chia cho cháu Cao Trung N đối với Anh Cao Trung V.

Buộc Anh V cấp dưỡng nuôi cháu Cao Diễm My, sinh ngày 12/12/2004 (nữ), mỗi tháng 745.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh V chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm cấp dưỡng.

- Chị Nguyễn Thị O được sở hữu chiếc xe hiệu Nouvo6 biển số 05755 trị giá 15.000.000 đồng và trị giá tài sản bằng tiền do Anh V giao 603.981.000 đồng (đã trừ giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe là 7.500.000 đồng Chị O giao Anh V). Tổng giá trị tài sản Chị O được chia là 618.981.000 đồng.

Buộc Chị O giao trả cho Anh V 23.500.000 đồng tiền bồi thường tai nạn giao thông.

- Anh Cao Trung V được quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản, hiện đang quản lý gồm: Căn nhà lợp tol sườn cây 4m x 6m trị giá 40.000.000 đồng (nhà để đồ dùng); Phà và máy dầu D22 trị giá 20 triệu; 01 máy xăng VanGa trị giá 10 triệu; 01 ti vi 32 in hiệu CTL trị giá 04 triệu; 01 tủ lạnh hiệu PanaSony trị giá 04 triệu; 01 tủ phê trị giá 01 triệu; 01 tủ áo trị giá 01 triệu; 01 tủ bếp trị giá 01 triệu; Bếp ga và bình ga 01 triệu; 01 mô tơ bơm nước trị giá 02 triệu; 01 tủ đựng ti vi bằng nhôm trị

giá 1,5 triệu; 01 bếp điện trị giá 1,5 triệu; Bộ bàn ghế gỗ miền đông trị giá 10 triệu và các vật dụng còn lại như quạt, đèn tranh, tủ, son nôi, bồn nước, kính ... trị giá 19.200.000 đồng. Tổng giá trị là 116.200.000 đồng;

Căn nhà cấp 4 và công trình xây dựng trên đất, công xỏ vuông trị giá 381.517.000 đồng, Vỡ Composite dài 7,2m và máy nổ 7.350.000 đồng, cây trồng trên đất 8.295.000 đồng. Tổng giá trị các loại tài sản này 397.162.000 đồng; QSD đất nuôi trồng thủy sản diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất là 17.500m², thuộc thửa số 283, 284, 285 tờ bản đồ số 07 do UBND huyện N cấp cho hộ Cao Trung V ngày 17/7/2003. Vị trí phần đất: Mặt tiền là Kênh Ba, hậu giáp đất Chín Tín, mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất anh Huy, vách trái giáp đất anh Cao Trung Cường, trị giá 887.000.000 đồng; giá trị ½ chiếc xe 7.500.000 đồng.

Anh V có nghĩa vụ giao cho Chị O giá trị tài sản bằng tiền là 611.481.000 đồng, trừ tiền giá trị ½ chiếc xe 7.500.000 đồng, Anh V tiếp tục giao cho Chị O 603.981.000 đồng.

Anh V được nhận 23.500.000 đồng do Chị O giao trả tiền bồi thường tai nạn giao thông của nhà xe Phước Thành - Thanh Tuấn.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và lãi suất chậm thi hành theo luật định.

- Ngày 11/6/2020 Anh V và Ông Th kháng cáo toàn bộ nội dung bản án

- Ngày 12/6/2020 Bà T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh V, Ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Kiến nghị HĐXX y án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Kiến nghị HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Anh V, Ông Th, Bà T nộp trong hạn luật định, được HĐXX xem xét theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Th, Bà T: Đối với “*Di chúc - tờ chia đất ruộng tôm cho con*” thiết lập ngày 06/11/1999 mà ông, bà làm căn cứ cho rằng việc cho đất là có điều kiện nếu Anh V, Chị O không canh tác thì trả lại. Do ông bà xác định đây là di chúc thì di chúc này không có hiệu lực do ông bà vẫn còn sống nên không phát sinh hiệu lực của di chúc, việc ông bà căn cứ vào văn bản này để đòi đất đã cho là không có cơ sở. Mặt khác theo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện N cung cấp hồ sơ cấp QSDĐ cho hộ Anh V gồm: Hợp đồng chuyển

nhượng QSDĐ thiết lập ngày 30/5/2003; Tờ khai lệ phí trước bạ; Tờ khai nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất (BL 139 đến 142, 409), theo quy định tại điều 10 nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của chính phủ thì hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ này được thiết lập đúng trình tự, phù hợp với trả lời số 196/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 03/4/2019 và trả lời số 434/CNVPĐKĐĐ ngày 10/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện N BL 437,438 rằng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ Anh V là đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ chuyển nhượng được cơ quan thẩm quyền thẩm định, Anh V đã nộp thuế trước bạ được UBND huyện N cấp QSDĐ nên việc chuyển nhượng QSDĐ của Anh V hoàn thành do đó câu kháng cáo của Ông Th Bà T đòi lại đất là không có cơ sở. Từ đó yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ Anh V của Ông Th Bà T cũng không được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Anh V:

- Đối với việc cấp sơ thẩm không đưa UBND Huyện N vào tham gia tố tụng, do Ông Th yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ mà UBND Huyện N cấp cho hộ Anh V, về thủ tục cấp trên cơ sở Ông Th chuyển nhượng lại cho Anh V, theo công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử, trường hợp này Tòa án không đưa UBND Huyện N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Đối với yêu cầu Chị O hoàn trả số tiền bồi thường tai nạn 40.000.000đ, tổng số tiền anh được bồi thường là 84.000.000đ, số tiền này Chị O là người quản lý và lo chi phí điều trị cho Anh V, hiện tại chị thừa nhận chỉ còn lại 23.500.000đ, Anh V cho rằng chi phí điều trị hết 44.000.000đ nhưng anh không có gì chứng minh, khi xảy ra tai nạn Anh V điều trị ở nhiều nơi Bạc Liêu, Cà Mau, Thành Phố Hồ Chí Minh thời gian gần một tháng, các chi phí điều trị ngoài thang thuốc có toa vé thì còn nhiều khoản chi không toa vé so với thương tích của anh tổn thương cột sống thì chi phí điều trị cho anh 60.500.000đ như chị trình bày là phù hợp, vì vậy kháng cáo này của anh không được chấp nhận.

- Đối với kháng cáo yêu cầu Chị O chia 01 lượng vàng 24k và 03 lượng vàng 18k, số vàng này Anh V không phải là người trực tiếp mua và cũng không phải là người đưa tiền cho Chị O mua, nguồn tiền mua vàng anh cũng không chứng minh được do đâu mà có, trong khi chị xác định số nữ trang đó là vàng giả và đưa ra tại phiên tòa, do đó cũng không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của anh.

- Đối với tiền gửi Ngân hàng, tổng số tiền sau nhiều lần giao dịch gửi vào, rút ra Chị O thừa nhận là 350.000.000đ, trong khi Anh V yêu cầu chia chỉ có 330.000.000đ, nên số tiền xem xét không thể vượt yêu cầu của Anh V. Các lần giao dịch gửi Ngân hàng Anh V không phải là người thực hiện, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Anh V không cung cấp thêm được các chứng cứ gì khác thể hiện nguồn thu nhập của vợ chồng có được số tiền 330.000.000đ gửi Ngân hàng, trong khi giao dịch gửi tiền diễn ra từ năm 2009 đến tháng 12/2018 rất nhiều lần, lần gửi số tiền cao nhất là 200.000.000đ, đối chiếu với bản trích sao giao dịch mà Ngân hàng cung cấp thì lần giao dịch số tiền này không liên quan đến các lần giao dịch vay trước đó, nên có cơ sở xác định trong số tiền

gởi hai bên tranh chấp có 200.000.000đ là của cha Chị O cho hai con của anh chị. Như vậy số tiền còn lại được xem là tài sản chung của vợ chồng còn lại là 130.000.000đ phải được phân chia cho anh chị là phù hợp. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay vợ chồng đang trong tình trạng ly thân chờ Tòa án xét xử, Chị O là người nuôi hai con, chi phí cho con ăn học, đưa con lớn được chị lo cho học Đại học đầu khí tại Vũng Tàu năm thứ hai, trong khi đó tư liệu sản xuất là đất Anh V là người quản lý khai thác thu nhập từ đất, cho nên thời gian này Chị O đã sử dụng một phần số tiền này vào việc lo cho con cái là có cơ sở, khi phân chia Chị O được chia 2/3 số tiền này là hợp lý, từ đó chấp nhận một phần kháng cáo của Anh V về vấn đề này.

- Đối với kháng cáo không chia đất của Anh V, như nhận định trên phần đất này Ông Th đã cho và không có quyền đòi lại, việc cho này đã được UBND huyện Năm Căn chấp thuận cấp QSDĐ cho hộ Anh V, vấn đề ở đây là phần đất này Ông Th cho vợ chồng hay cá nhân Anh V? Chứng minh về mặt ý chí và nguyện vọng của vợ chồng Ông Th khi cho đất là cho hai vợ chồng Chị O Anh V thể hiện tại lời khai của Ông Th qua các phiên tòa và qua văn bản di chúc chia đất cho con, mặt khác chính ông và Anh V là người lập hồ sơ xin cấp QSDĐ nộp cho UBND Huyện N, khi UBND Huyện N cấp QSDĐ cho hộ ông Vĩnh, ông và Anh V nhận giấy từ năm 2003 cho đến khi vợ chồng Anh V làm thủ tục ly hôn tháng 12/2018 Ông Th và Anh V biết mà không thể hiện ý kiến không đồng tình với việc đất cho được cấp cho hộ ông Vĩnh. Mặt khác theo án lệ số 03/2016 của Tòa án nhân dân tối cao phần đất này được cho trong thời kỳ hôn nhân của Anh V Chị O đang tồn tại cuộc sống hạnh phúc, Anh V Chị O cất nhà và xây dựng các công trình kiên cố khác trên đất, đặc biệt là khi Anh V lâm nợ bỏ trốn Chị O ở lại trông coi cải tạo chăm sóc và bảo tồn đất mới còn tồn tại đến hôm nay, do đó đây là tài sản chung của vợ chồng Anh V Chị O, cho dù Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Anh V cho rằng hồ sơ cấp QSDĐ cho Anh V không có tên Chị O, cũng không thể xác định phần đất này của cá nhân Anh V, nên kháng cáo của Anh V về vấn đề này cũng không được chấp nhận.

Như vậy tổng giá trị tài sản của Anh V Chị O được cộng thêm 130.000.000đ và số tiền này được chia theo nhận định trên, Chị O được cộng thêm 86.666.666đ, Anh V được cộng thêm 43.333.333đ, số tiền 130.000.000đ Chị O đang quản lý được phân chia và đối trừ vào số tiền Anh V có nghĩa vụ hoàn lại cho anh. Do đó cấp phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm về nội dung và điều chỉnh lại cách tuyên án.

[4] Những vấn đề khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí Anh V có đơn xin giảm miễn có xác nhận của chính quyền địa phương, tuy nhiên anh được phân chia tài sản trên 500.000.000đ nên anh không thuộc diện khó khăn và không được xét miễn giảm án phí sơ thẩm kể cả án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 điều 308; Điều 309, 148 Bộ luật tố tụng dân sự, án lệ số 03/2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Sửa một phần bản án HNGĐ sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu của Anh Cao Trung V về yêu cầu chia chiếc xe hiệu Jupiter 50cc biển số 69 – LN 0142; Anh V có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Cao Hữu Th và bà Nguyễn Thị T về việc: Yêu cầu Anh Cao Trung V, chị Nguyễn Thị O hoàn trả 17.500m² đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại ấp Chông Mỹ A – xã Hàm Rồng, Huyện N, tỉnh Cà Mau, thuộc các thửa số 283, 284, 285 tờ bản đồ số 07 được Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển cấp QSDĐ cho hộ Cao Trung Vĩnh ngày 17/7/2003 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho hộ Cao Trung Vĩnh.

3. Buộc Anh Cao Trung V cấp dưỡng nuôi cháu Cao Diễm My, sinh ngày 12/12/2004, mỗi tháng 745.000 đồng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con tròn 18 tuổi tự lao động kiếm sống được. Anh V chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm cấp dưỡng, đồng thời anh có quyền tới lui thăm con không ai được cản trở, ngược lại anh không được lợi dụng việc thăm con gây khó khăn cho Chị O trong việc nuôi con.

4. Về tài sản chung phân chia như sau:

- Chị Nguyễn Thị O được sở hữu chiếc xe hiệu Nouvo6 biển số 05755 hiện chị đang quản lý sử dụng và nhận trị giá tài sản bằng tiền trong khối tài sản chung là 690.647.000đ (Trong đó gồm cả phần tiền gửi Ngân hàng chị đang quản lý).

- Anh Cao Trung V được quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản hiện đang quản lý gồm:

Phần thứ nhất 14 món tài sản tự định giá gồm: Căn nhà lợp tol sườn cây 4m x 6m (nhà để đồ dùng); Phà và máy dầu D22; 01 máy xăng VanGa; 01 ti vi 32 in hiệu CTL; 01 tủ lạnh hiệu PanaSonic; 01 tủ phê; 01 tủ áo; 01 tủ bếp; Bếp ga và bình ga; 01 mô tơ bơm nước; 01 tủ đựng ti vi bằng nhôm; 01 bếp điện; Bộ bàn ghế gỗ miền đông và các vật dụng còn lại như quạt, đèn tranh, tủ, song nôi, bồn nước, kính

Phần thứ hai các tài sản định giá gồm: Căn nhà cấp 4 và công trình xây dựng trên đất, cổng xỏ vuông, Vò Composite dài 7,2m cùng máy nổ, giá trị cây trồng trên đất.

Phần thứ ba các tài sản khác gồm: Toàn bộ QSDĐ nuôi trồng thủy sản diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ là 17.500m², tọa lạc tại ấp Chông Mỹ A – xã Hàm Rồng, Huyện N, tỉnh Cà Mau, thuộc các thửa số 283, 284, 285 tờ bản đồ số 07 được UBND huyện Ngọc Hiển cấp cho hộ Cao Trung Vĩnh ngày 17/7/2003;

Giá trị $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe Nouvo6 biển số 05755; $\frac{1}{3}$ số tiền gửi Ngân hàng (43.333.333 đồng).

Số tài sản anh chị được nhận, Anh V đang quản lý tài sản, sau khi đối trừ có giá trị nhiều hơn, anh có nghĩa vụ hoàn trả cho Chị O số tiền 560.647.667 đồng.

5. Buộc Chị O hoàn trả cho Anh V 23.500.000 đồng tiền anh được bồi thường tai nạn giao thông hiện Chị O đang quản lý.

6. Chi phí tố tụng: 9.900.000 đồng, Chị O và Anh V mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ bằng 4.950.000 đồng, Chị O đã dự nộp đủ nên Anh V có nghĩa vụ hoàn trả cho Chị O 4.950.000 đồng.

Số tiền hoàn trả, kể từ ngày Chị O có đơn yêu cầu thi hành án, Anh V chậm thanh toán thì anh còn phải chịu thêm lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thanh toán cho đến khi thi hành xong.

7. Về án phí:

Anh V chịu án phí sơ thẩm gồm cấp dưỡng và án phí chia tài sản có giá ngạch, tổng cộng phải chịu là 38.321.666 đồng, ngày 20/02/2019 anh đã dự nộp tại Chi cục THA dân sự Huyện N số tiền 8.091.000 đồng, theo biên lai số 0016328 được đối trừ, anh còn phải nộp tiếp 30.230.666 đồng.

Chị O phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của Anh V được chấp nhận và án phí chia tài sản có giá ngạch, tổng cộng phải chịu là 34.367.333 đồng, Chị O có nộp tạm ứng án phí 11.000.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016216 ngày 04 tháng 12 năm 2018 và 1.452.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016354 ngày 06/3/2019 được đối trừ, Chị O nộp tiếp 21.914.833 đồng.

Ông Th, Bà T được miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm Anh V không phải nộp, ngày 11/6/2020 anh đã dự nộp 300.000đ tại chi cục THA Huyện N theo biên lai số 7234 anh được nhận lại.

8. Các phần khác của Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện N, tỉnh Cà Mau không bị kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Huyện N;
- Chi cục THADS Huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế